TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 445/2020/HNGĐ - ST.
Ngày: 20 - 5 - 2020.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Chí

Ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp, Thư ký Tòa án nhân dân quận G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Oanh, Kiểm sát viên.

Ngày 20/5/2020, tại Tòa án nhân dân quận G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1633/2019/TLST-HN, ngày 04/12/2019 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 27/4/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Quốc T;

Bị đơn: Bà Lê Thị Bích H;

Cùng nơi cư trú: Số N đường P, Phường M, quận G.

NHẬN THẤY:

1. Theo đơn khởi kiện Tòa án nhận ngày 19/11/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Ông Hoàng Quốc T trình bày:

Ông và bà H tự nguyện tìm hiểu, sống chung năm 2004, có đăng ký kết hôn theo Trích lục kết hôn số 389/TLKH - BS, ngày 18/11/2019 của Ủy ban nhân dân Phường M, quận G.

Sau khi kết hôn, ông bà sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn về nhiều vấn đề trong cuộc sống gia đình. Mỗi người đều có quan điểm và cách sống riêng nên cuộc sống chung không mang lại cho nhau hạnh phúc.

Tình cảm vợ chồng không còn, nghĩa vụ đối với nhau cũng không có nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn để ổn định cuộc sống. Yêu cầu cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông được ly hôn với bà H;

- Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung, gồm: Hoàng Trung N, sinh ngày 08/5/2005 và Hoàng Trung K, sinh ngày 05/3/2008. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản**:** Ông T không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Bị đơn - Bà Lê Thị Bích H*:*

Tại bản tự khai ngày 17/12/2019, bà H xác định quan hệ vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên đồng ý ly hôn. Về con chung, bà H đồng ý giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi vì bà chưa có chỗ ở ổn định, sợ ảnh hưởng đến con chung. Về tài sản chung, bà sẽ trao đổi thêm với ông T.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 24/12/2019, bà H đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông T. Về con chung, bà yêu cầu được nuôi và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng. Về tài sản chung, bà H sẽ có đơn yêu cầu phản tố chia tài sản chung sau.

3. Tại bản tự khai ngày 10/12/2019, con chung của ông T và bà H là Hoàng Trung N và Hoàng Trung K đều có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng ông T để ổn định cuộc sống và việc học.

4. Tại phiên tòa sơ thẩm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng trình tự, thủ tục tố tụng do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ quy định của Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu của ông T phù hợp quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Ông T có đơn ly hôn với bà H. Bà H cư trú tại quận G. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự,

đây là tranh chấp về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 24/12/2019, bà H trình bày là bà đang sống tại nhà thuê số P đường T, Phường N, quận G. Tuy nhiên, ngày 25/12/2019 Toà án tiến hành xác minh tại Công an Phường N, quận G thì tại địa chỉ trên không có nhân khẩu Lê Thị Bích H, sinh năm 1978 cư trú.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn - ông T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Yêu cầu của nguyên đơn phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với bị đơn - bà H được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Hoàng Quốc T

Căn cứ Điều 05 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Căn cứ lời khai của đương sự, căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp cho Tòa án và Tòa án thu thập được có cơ sở xác định:

Hôn nhân giữa ông T và bà H là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Trích lục kết hôn số 389/TLKH - BS, ngày 18/11/2019 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận G cấp nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi Tòa án thông báo thụ lý vụ án, bà H đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông T. Hội đồng xét xử nhận thấy: Rõ ràng hôn nhân của ông bà không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

Về con chung: Ông T và bà H đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy:

Toà án thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã đưa vụ án ra xét xử. Bà H đều vắng mặt. Tại bản tự khai, bà H xác định bà chưa có chỗ ở ổn định, sợ ảnh hưởng đến cuộc sống và việc học hành của con chung nên bà đồng ý giao con chung cho ông T nuôi. Sau đó, bà H thay đổi ý kiến và có yêu cầu trực tiếp nuôi các con chung. Tuy nhiên, bà H không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là có căn cứ và hợp pháp nên không có gì để Hội đồng xét xử xem xét. Các con chung của ông bà có nguyện vọng được sống chung với ông T để ổn định việc học. Xét quyền lợi mọi mặt của

con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung, ông T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xét.

Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở; trên cơ sở lợi ích con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Bà H không có yêu cầu phản tố chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét. Bà H có quyền khởi kiện chia tài sản chung bằng một vụ án khác.

Từ phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của ông T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 5, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Quốc T

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Hoàng Quốc T và bà Lê Thị Bích H.

1.2. Về con chung: Ông T và bà H có 02 con chung, gồm: Hoàng Trung N, sinh ngày 08/5/2005 và Hoàng Trung K, sinh ngày 05/3/2008. Ông T trực tiếp nuôi con chung.

Ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở;

Trên cơ sở lợi ích con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung**:** Ông T không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông T nộp. Cấn trừ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2019/0025154, ngày 04/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận G. Ông T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Ông T và bà H được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND QUẬN G;
- CCTHADS QUẬN G;
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hạnh